

Mua vào

Giá mục tiêu: VND73,000

Tiềm năng tăng/giảm: 22.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/4/2026)	59,800
Mã Bloomberg	VCB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	55,299-76,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	59,800
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	499,670
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	18,959
Slg CP lưu hành (tr.đv)	8,356
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,507
Slg CP NN được mua (tr.đv)	790
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	20.6%
Tỷ lệ freefloat	6.64%
Cổ đông lớn	NHNN Việt Nam (74.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	2,442	2,826	3,103
Dư nợ cho vay (ntđ)	1,674	1,909	2,216
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	72.4	86.8	103
Lợi nhuận thuần (ntđ)	35.2	41.0	49.0
BVPS (đồng)	27,223	33,574	37,793
EPS (đồng)	4,210	4,754	5,507
DPS (đồng)	450	516	848
T.trưởng cho vay KH (%)	15.5	14.1	16.1
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	5.51	20.0	18.3
Tăng trưởng EPS (%)	3.98	12.9	15.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	14.6	64.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	10.7	10.8	15.4
ROAE (%)	16.5	15.6	15.4
ROAA (%)	1.55	1.56	1.65
Tỷ lệ NIM (%)	2.63	2.76	2.92
Tỷ lệ CIR (%)	34.8	32.9	31.9
Hệ số CAR (%)	11.3	12.9	13.2
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.58	0.90	0.90
LLR/nợ xấu (%)	259	210	199
Hệ số LDR (%)	100	99.2	97.1
P/B (lần)	2.20	1.78	1.58
P/E (lần)	14.2	12.6	10.9
Lợi suất cổ tức (%)	0.75	0.86	1.42

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VCB là ngân hàng lớn thứ 4 tại Việt Nam xét trên quy mô tài sản và dư nợ. VCB là ngân hàng có lợi thế về chi phí vốn, quản trị rủi ro thận trọng và chất lượng tài sản hàng đầu.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q1 tăng 9% - kết quả tích cực

- VCB đã công bố LNTT Q1/2026 đạt 11,8 nghìn tỷ đồng, tăng 8,7%, hoàn thành 23% dự báo cả năm và thấp hơn một chút so với dự báo Q1 của chúng tôi do chi phí dự phòng cao hơn giả định, trong khi kết quả cốt lõi tăng trưởng tốt.
- Tín dụng tăng trưởng 4,8% kể từ đầu năm, vượt trội so với bình quân ngành, tỷ lệ NIM hồi phục vừa phải lên 2,86% và thu nhập phí tăng 17%. Trong khi đó, tỷ lệ nợ xấu, bao gồm TPDN, vẫn ổn định so với quý trước ở mức 1%; tuy nhiên, kỳ vọng về khoản hoàn nhập dự phòng vẫn chưa được ghi nhận.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 14% trong 3 tháng qua, VCB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,7 lần, mức thấp kỷ lục so với bình quân quá khứ ở mức 2,5 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu là 73.000đ (tiềm năng tăng giá 22%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2026

VCB đã báo cáo LNTT Q1/2026 đạt 11,8 nghìn tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ và tăng 8,4% so với quý trước, hoàn thành 23% dự báo năm 2026 nhưng thấp hơn một chút so với dự báo Q1 của chúng tôi do chi phí dự phòng cao hơn giả định. Trong khi đó, tỷ lệ NIM và thu nhập phí đã phục hồi đúng như kỳ vọng.

Tín dụng tăng trưởng mạnh khiến hệ số LDR tiếp tục tăng lên

Tổng dư nợ tín dụng tăng 4,8% kể từ đầu năm, vượt trội so với bình quân ngành (khoảng 3,2%). Tăng trưởng cân bằng ở các khoản vay ngắn hạn (tăng 30 nghìn tỷ đồng), trung hạn (tăng 15 nghìn tỷ đồng) và dài hạn (tăng 34 nghìn tỷ đồng). Dựa trên cơ cấu kỳ hạn này, chúng tôi tin rằng cơ cấu tăng trưởng khá cân bằng giữa phân khúc khách hàng doanh nghiệp và bán lẻ, mặc dù cơ cấu chi tiết theo ngành chưa được công bố và thường sẽ báo cáo trong cuộc họp báo về KQKD.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 4/5.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2026, VCB

Thu nhập lãi thuần tăng mạnh, trở thành động lực chính dẫn dắt lợi nhuận thuần

Tỷ đồng	Q1/25	Q1/26	So với cùng kỳ	2026 HSCF	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	13,687	17,651	29.0%	71,922	24.5%
Thu nhập ngoài lãi	3,578	3,529	-1.4%	14,884	23.7%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	806	943	17.0%	3,990	23.6%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	2,024	1,678	-17.1%	7,547	22.2%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	36	(7)	-119.2%	73	-9.6%
Thu nhập khác	663	857	29.3%	2,991	28.7%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	48	58	19.3%	282	20.4%
Tổng thu nhập HĐ	17,265	21,180	22.7%	86,806	24.4%
Chi phí HĐ	(5,652)	(6,884)	21.8%	(28,519)	24.1%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	11,612	14,296	23.1%	58,287	24.5%
Chi phí dự phòng	(752)	(2,493)	231.4%	(6,991)	35.7%
LNTT	10,860	11,803	8.7%	51,296	23.0%
Lợi nhuận thuần	8,696	9,457	8.7%	41,015	23.1%

Nguồn: VCB, HSC

Huy động tăng trưởng chậm hơn so với tín dụng. Tổng huy động chỉ tăng 0,7% kể từ đầu năm, với tiền gửi khách hàng tăng 0,6%. Từ đó, hệ số LDR tăng lên 104,3%, từ 100,1% trong Q4/2025. Hệ số LDR điều chỉnh, bao gồm TPDN ở từ sổ và giấy tờ có giá ở mẫu số, cũng tăng lên 103%, từ 99% tại thời điểm cuối năm 2025. Mặc dù thanh khoản của VCB tốt hơn so với các NHTM khác, xu hướng tăng của hệ số LDR cũng phản ánh điều kiện thanh khoản thắt chặt trên toàn hệ thống ngân hàng.

Tỷ lệ NIM hồi phục vừa phải

Tỷ lệ NIM cải thiện vừa phải lên 2,86% trong Q1/2026, tăng 15 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 22 điểm cơ bản so với cùng kỳ, cao hơn một chút so với giả định, nhờ lợi suất tài sản phục hồi mạnh hơn so với chi phí huy động.

Lợi suất cho vay tăng lên 6,29%, tăng 51 điểm cơ bản so với quý trước, trong khi lợi suất gộp tăng lên 5,2%, tăng 40 điểm cơ bản so với quý trước. Chi phí huy động chỉ tăng 27 điểm cơ bản so với quý trước lên 2,59% và chi phí tiền gửi tăng 27 điểm cơ bản so với quý trước lên 2,51%. Chênh lệch giữa lãi suất cho vay và tiền gửi nới rộng lên 3,78% từ 3,53% trong Q4/2025. Cả lợi suất gộp và chi phí huy động đều tiếp tục ở mức thấp nhất trong ngành, cho thấy khả năng của VCB trong việc chuyển phần gia tăng của chi phí huy động sang cho khách hàng nhưng vẫn duy trì được năng lực cạnh tranh.

Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn giảm nhẹ xuống 34,2% từ 35,4% trong Q1/2025 và bình quân năm 2025 ở mức 36%. Trong bối cảnh lãi suất gia tăng, tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn sụt giảm là điều có thể dự đoán.

Thu nhập ngoài lãi giảm nhẹ mặc dù thu nhập phí hồi phục

Thu nhập ngoài lãi giảm 1,4% so với cùng kỳ xuống 3,5 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 23,7% dự báo cả năm 2026.

Lãi thuần HĐ dịch vụ tăng 17% so với cùng kỳ và tăng 9,1% so với quý trước lên 941 tỷ đồng, cho thấy sự phục hồi rõ rệt từ mức nền thấp trong Q4/2025 và nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi. Thông tin bóc tách chi tiết sẽ được công bố trong hợp báo KQKD của Ngân hàng.

Tuy nhiên, lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 17,1% so với cùng kỳ xuống 1,7 nghìn tỷ đồng, do tỷ giá đã giao dịch sát trần trong một khoảng thời gian, làm thu hẹp biên lợi nhuận, thấp hơn dự báo của chúng tôi. Trong khi đó, HĐ mua bán trái phiếu lỗ nhẹ 7 tỷ đồng. Thu nhập khác, chủ yếu là thu nhập từ thu hồi nợ xấu, tăng mạnh 29,3% so với cùng kỳ lên 857 tỷ đồng, bù đắp một phần sự sụt giảm của HĐKD nguồn vốn.

Tỷ lệ nợ xấu vẫn rất thấp nhưng chi phí dự phòng không đạt dự báo

Chất lượng tài sản vẫn được duy trì ở mức tốt. Tỷ lệ nợ xấu của danh mục cho vay tăng nhẹ lên 0,62% từ 0,58% trong Q4/2025, nhưng vẫn ở mức rất thấp. Bao gồm cả TPDN, tỷ lệ nợ xấu nhìn chung ổn định so với quý trước ở mức 1%. Tỷ lệ nợ xấu mới hình thành theo quý là 0,07%, nhìn chung khả quan và thấp hơn dự báo của chúng tôi. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR của danh mục cho vay vẫn ở mức rất cao là 253%, giảm nhẹ từ 259% trong Q4/2025 nhưng tăng từ 216% trong Q1/2025.

Tuy nhiên, chi phí dự phòng tăng mạnh 231,4% so với cùng kỳ, vượt dự báo của chúng tôi, do khoản TPDN nợ xấu không trở về nhóm 1 như kỳ vọng. Theo đánh giá của chúng tôi, khoản TPDN xấu này đến từ lĩnh vực năng lượng tái tạo. Theo đó, chúng tôi đã kỳ vọng những trái phiếu sẽ được nâng hạng trở lại nhóm 1 sau một quý, đây là diễn biến điển hình đối với một thỏa thuận tái cấu trúc, nhưng kết quả thực tế không như chúng tôi kỳ vọng.

Thương vụ này có quy mô khoảng 6,6 nghìn tỷ đồng, tương đương dưới 0,5% tổng dư nợ tín dụng của VCB, và đã được xếp vào nợ nhóm 4 tại thời điểm cuối năm 2025. Do đó, chúng tôi ước tính lợi nhuận của VCB sẽ không chịu thêm tác động đáng kể.

Hệ số CIR gần như đi ngang so với cùng kỳ

Chi phí hoạt động tăng 21,8% so với cùng kỳ lên 6,9 nghìn tỷ đồng, nhìn chung sát với tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động. Tỷ lệ CIR đạt 32,5%, thấp hơn một chút so với Q1/2025 (32,7%). Tỷ lệ chi phí hoạt động/tín dụng được kiểm soát tốt ở mức 1,6%, đi ngang so với cùng kỳ. Số lượng nhân viên nhìn chung đi ngang kể từ đầu năm ở mức khoảng 23.400 người.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 14% trong 3 tháng qua, VCB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,7 lần, mức thấp kỷ lục so với bình quân quá khứ ở mức 2,5 lần và chỉ cao hơn 36% so với bình quân ngành, cũng ở mức thấp trong quá khứ.

Mặc dù kết quả này thấp hơn một chút so với dự báo Q1 của chúng tôi chủ yếu do không có các sự kiện một lần, trong khi tỷ lệ NIM, một chỉ số cốt lõi, hồi phục mạnh hơn kỳ vọng. Do đó, HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	93.7	105	131	157	189
Chi phí lãi	(38.2)	(46.4)	(59.0)	(71.7)	(89.8)
Thu nhập lãi thuần	55.4	58.7	71.9	85.6	99.6
Lãi thuần HĐ dịch vụ	5.14	3.47	3.99	4.97	6.12
Lãi thuần HĐ KDNH	5.29	6.17	7.55	9.32	10.8
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.07	0.17	0.07	0.09	0.10
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.31	0.28	0.28	0.28	0.28
Thu nhập khác	2.37	3.59	2.99	2.46	2.85
Tổng thu nhập HĐ	68.6	72.4	86.8	103	120
Chi phí HĐ	(23.0)	(25.2)	(28.5)	(32.8)	(37.0)
LN trước dự phòng	45.6	47.2	58.3	69.9	82.8
Chi phí dự phòng	(3.31)	(3.19)	(6.99)	(8.60)	(9.62)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	42.2	44.0	51.3	61.3	73.2
Chi phí thuế TNDN	(8.38)	(8.82)	(10.3)	(12.3)	(14.6)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.02)	(0.02)	(0.02)	(0.02)	(0.03)
Lợi nhuận thuần	33.8	35.2	41.0	49.0	58.5
EPS (đồng)	4,049	4,210	4,754	5,507	6,573
DPS (đồng)	0	450	516	848	1,013
Slg CP bình quân (triệu đv)	8,356	8,356	8,627	8,899	8,899
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	8,356	8,356	8,899	8,899	8,899
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	8,356	8,356	8,899	8,899	8,899

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	14.3	15.5	17.6	20.8	24.7
Tiền gửi tại NHNN	49.3	37.4	48.9	57.9	68.6
Tiền gửi tại các TCTD khác	389	522	632	549	649
Chứng khoán kinh doanh	4.58	11.5	10.2	7.16	8.44
Các công cụ tài chính phái sinh	1.31	0.37	0.37	0.37	0.37
Số dư cho vay thuần	1,418	1,649	1,873	2,176	2,528
Tổng dư nợ cho vay	1,449	1,674	1,909	2,216	2,571
Dự phòng rủi ro	(31.2)	(25.0)	(36.1)	(39.7)	(43.5)
Chứng khoán đầu tư	167	162	193	232	274
CK đầu tư sẵn sàng để bán	86.8	143	163	192	226
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	80.8	22.4	30.6	40.8	48.0
Dự phòng rủi ro	(0.25)	(3.36)	(0.22)	(0.26)	(0.29)
Đầu tư dài hạn	2.23	2.26	2.26	2.26	2.26
Tài sản cố định	8.09	8.23	8.63	9.13	9.63
Tài sản khác	30.9	34.0	39.7	48.0	56.3
Tổng tài sản	2,085	2,442	2,826	3,103	3,621
Nợ phải trả	1,886	2,214	2,527	2,766	3,240
Tiền gửi của NHNN	78.2	160	165	0.89	1.03
Tiền gửi của các TCTD khác	235	321	364	400	438
Tổng tiền gửi KH	1,515	1,673	1,925	2,281	2,703
Trái phiếu và CCTG	24.1	27.1	31.2	34.7	41.2
Nợ khác	34.8	33.5	42.2	48.9	56.7
Vốn chủ sở hữu	199	227	299	336	381
Vốn điều lệ	55.9	83.6	89.0	89.0	89.0
Thặng dư vốn cổ phần	5.00	5.00	37.6	37.6	37.6
Lợi nhuận giữ lại	111	102	130	161	199
Quỹ & vốn khác của CSH	27.3	36.9	42.2	48.3	55.7
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.10	0.07	0.07	0.07	0.07
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	2,085	2,442	2,826	3,103	3,621
BVPS (đồng)	23,799	27,223	33,574	37,793	42,827

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	13.4	17.1	15.7	9.79	16.7
Tăng trưởng cho vay KH (%)	14.1	15.5	14.1	16.1	16.1
Tăng trưởng huy động KH (%)	8.52	10.4	15.1	18.5	18.5
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	8.70	10.5	15.1	18.4	18.5
Tăng trưởng VCSH (%)	20.6	14.4	31.3	12.6	13.3
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	3.33	5.90	22.6	19.0	16.4
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	5.08	9.23	13.4	15.0	12.8
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(0.56)	3.63	23.5	19.9	18.4
Tăng trưởng LNTT (%)	2.41	4.22	16.5	19.5	19.3
Tăng trưởng LN thuần (%)	2.42	3.98	16.6	19.5	19.4

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.49	3.20	3.30	3.46	3.56
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.17)	(1.11)	(1.08)	(1.11)	(1.10)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	98.8	98.7	98.8	98.8	98.7
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.82	3.08	3.66	4.17	4.50
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	52.3	54.4	63.1	73.1	86.0

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	14.8	14.2	12.6	10.9	9.10
P/B (lần)	2.51	2.20	1.78	1.58	1.40
Lợi suất cổ tức (%)	0	0.75	0.86	1.42	1.69

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	49.3	48.6	47.2	47.7	48.8
ROAA (%)	1.72	1.55	1.56	1.65	1.74
ROAE (%)	18.6	16.5	15.6	15.4	16.3
Chi phí huy động BQ (%)	2.20	2.30	2.53	2.76	3.04
Lợi suất góp BQ (%)	4.83	4.70	5.03	5.37	5.71
Lợi suất thuần (%)	2.63	2.40	2.50	2.62	2.67
Tỷ lệ NIM (%)	2.86	2.63	2.76	2.92	3.00
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	7.49	4.80	4.60	4.84	5.11
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	80.8	81.1	82.9	83.3	83.2
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	11.7	14.1	12.5	11.8	11.7
Tỷ lệ CIR (%)	33.6	34.8	32.9	31.9	30.9
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	10.7	10.8	15.4	15.4

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.2	11.3	12.9	13.2	12.9
VCSH/Tổng TS (%)	9.54	9.31	10.6	10.8	10.5
Đòn bẩy vốn (lần)	10.5	10.7	9.46	9.23	9.50

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.96	0.58	0.90	0.90	0.90
Hệ số LLR (%)	223	259	210	199	188

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	95.7	100	99.2	97.1	95.1
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	13.2	15.9	15.7	14.7	13.8
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	69.5	68.5	67.6	71.4	71.0

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	647	647	650	670	680
Số lượng nhân viên	24,306	23,457	23,692	24,640	26,611

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn